| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN DƯƠNG**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trương Minh Huế

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Tỵ

Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị H (tên gọi khác: Đỗ Thị Thu H); nơi cư trú: Số nhà 623, đường 208, thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh P (tên gọi khác: Nguyễn Minh P); nơi cư trú: Số nhà 623, đường 208, thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày*:

*Về quan hệ hôn nhân*: Chị kết hôn với anh Nguyễn Thanh P trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L, thành phố Hải Phòng vào ngày 09 tháng 11 năm 1992. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh P tại thôn B, xã T, huyện L, thành phố Hải Phòng, đến năm 2012, vợ chồng chuyển đến cư trú tại Số nhà 623, đường 208, thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Từ năm 2014 đến nay,

chị và anh P sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thanh P.

*Về con chung:* Chị và anh Nguyễn Thanh P có ba con chung là Nguyễn Thị P1, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1993; Nguyễn Đ, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1999 và Nguyễn Đỗ Phương D, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2002. Chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Đỗ Phương D cho chị nuôi dưỡng và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 3.000.000 đồng. Các con chung Nguyễn Thị P1 và Nguyễn Đ đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh P:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P để anh P đến Toà án nhân dân huyện An Dương giải quyết việc chị Đỗ Thị H xin ly hôn nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không đến Tòa án ghi bản tự khai; không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thanh P; giao con chung Nguyễn Đỗ Phương D, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2002 cho chị H nuôi dưỡng. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 1.500.000 đồng/tháng. Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh P. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Thanh P hiện đang cư trú tại số nhà 623, đường 208, thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, chị Đỗ Thị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều

227; khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Dương tiến hành xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Thanh P.

- Về nội dung:

[3] Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Thanh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09 tháng 11 năm 1992 theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Tuy anh Nguyễn Thanh P không đến Tòa án, nên không có quan điểm của anh P về việc chị Đỗ Thị H xin ly hôn, nhưng căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Thanh P đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Xét quan hệ hôn nhân của chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Thanh P là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị Đỗ Thị H đối với anh Nguyễn Thanh P.

[5] Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Thanh P có ba con chung là Nguyễn Thị P1, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1993; Nguyễn Đ, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1999 và Nguyễn Đỗ Phương D, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2002. Chị H đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Đỗ Phương D cho chị nuôi dưỡng, anh P không có quan điểm về việc nuôi con. Xét thấy, hiện tại chị H công tác tại Công ty Bảo hiểm nhân thọ, còn anh P có nghề nghiệp cơ khí tự do nên khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị H và anh P như nhau. Con chung Nguyễn Đỗ Phương D có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao cho chị H nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đỗ Phương D là hợp lý, đảm bảo quyền lợi cho con chung. Các con chung Nguyễn Thị P1 và Nguyễn Đ đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*". Vì vậy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị H đưa ra là có căn cứ. Tuy nhiên mức cấp dưỡng nuôi con chị H yêu cầu 3.000.000 đồng/tháng là cao. Nên chỉ buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 1.500.000 đồng/tháng là hợp lý.

[7] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Thanh P không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Thanh P được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thanh P

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đỗ Phương D, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2002 cho chị Đỗ Thị H nuôi dưỡng đến khi con chung Nguyễn Đỗ Phương D đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Đối với các con chung Nguyễn Thị P1, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1993 và Nguyễn Đ, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1999 đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con và lãi suất cấp dưỡng: Anh Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Đỗ Thị H 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/01 tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 30 tháng 9 năm 2019 đến khi con chung Nguyễn Đỗ Phương D đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí và quyền yêu cầu thi hành án: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 4236 ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Chị Đỗ Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Minh Huế**